

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH VĨNH LONG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-ST  
Ngày: 28-6-2024  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Dương

**Các hội thẩm nhân dân:** Ông Trương Văn Ánh  
Ông Nguyễn Minh Thuận

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Kim Hồ là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không tham gia phiên tòa**

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST- DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-DS ngày 07/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Út H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: Ông Thái Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Bà Phan Thu T1, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Thái Chí H1, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H trình bày:

Vào 26/8/2022 bà Nguyễn Thị Út H cho bà Phạm Thu T2 và ông Thái Văn T mượn số tiền là 5.000.000đ, cộng thêm 15.000.000đ. Tổng cộng bà T2 và ông T có mượn bà là 20.000.000đ, không thỏa thuận về lãi suất, bà T2 và ông T hứa 02 tháng sau sẽ trả (từ ngày 26/8/2022 đến ngày 26/10/2022), mục đích vay để về làm đám cưới em chồng là Thái Chí H1. Bà đã giao cho bà T2 và ông T nhận đủ 20.000.000đ.

Việc mượn tiền thì bà T2, ông T có làm “ Đơn thế chấp giấy tờ” cho bà để làm bằng chứng. Bà T2, ông T có để lại cho bà giữ bản chính giấy căn cước công dân số 086099008091 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/02/2022 mang tên Thái Chí H1 để làm niềm tin.

Ngày 16/10/2022 âm lịch bà T2 và ông T mượn thêm của bà 10.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, mượn tiền để làm đám giỗ, thời hạn mượn là xong đám giỗ sẽ trả. Bà đã giao cho bà T2 và ông T nhận đủ 10.000.000đ. bà T2 và ông T có để lại cho bà giữ bản chính giấy căn cước công dân số 08619600899 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 21/9/2022 mang tên Phạm Thu T2 để làm niềm tin.

Tổng cộng, ông T và bà T2 còn nợ bà là 30.000.000đ.

Đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà T2 trả tiền nhưng họ chỉ hứa mà không thực hiện, điện thoại không nghe máy.

Từ những sự việc nêu trên, nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết:

Buộc ông Thái Văn T và bà Phạm Thu T2 cùng có trách nhiệm trả cho bà tiền gốc là 30.000.000đ, không tính lãi.

Bà đồng ý trả lại cho bà Phạm Thu T2 và ông Thái Chí H1 02 giấy căn cước công dân số 086099008091 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/02/2022 mang tên Thái Chí H1 và số 08619600899 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 21/9/2022 mang tên Phạm Thu T2

Bị đơn ông Thái Văn T và bà Phạm Thu T2 từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm ông Thái Văn T và bà Phạm Thu T2 hoàn toàn không có ý kiến hay văn bản gì gửi cho Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Thái Chí H1 từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm ông Thái Chí H1 hoàn toàn không có ý kiến hay văn bản gì gửi cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trong “Đơn thế chấp giấy tờ” vào không ngày tháng có ghi địa chỉ nơi cư trú, trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Ông Thái Văn T và bà Phạm Thu T2, ông Thái Chí H1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập họp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 11/3/2024 và ngày 23/5/2024 nhưng vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đồng thời, ông Thái Văn T và bà Phạm Thu T2, ông Thái Chí H1 được triệu tập họp lệ gia phiên tòa vào các

ngày 07/6/2024 và 28/6/2024 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tòa án nhân huyện Bình Tân đã thông báo hợp lệ về việc công khai chứng cứ là đơn thể chấp giấy tờ không ngày giữa bà Nguyễn Thị Út H và bà Phạm Thu T2, ông Thái Văn T do nguyên đơn xuất trình, đến tại phiên tòa hôm nay Tòa án nhân dân huyện Bình Tân cũng chưa nhận được chứng cứ nào thể hiện bị đơn phản đối chứng cứ do nguyên đơn đưa ra nên được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, được quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Do đó, bà Nguyễn Thị Út H khởi kiện yêu cầu ông Thái Văn T và bà Phạm Thu T2 phải có nghĩa vụ trả số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) là có cơ sở nên được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Út H phải trả lại cho bà Phạm Thu T2 02 giấy căn cước công dân số 086099008091 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/02/2022 mang tên Thái Chí H1 và số 08619600899 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 21/9/2022 mang tên Phạm Thu T2

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Út H được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Thái Văn T và bà Phạm Thi T3 nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 1.500.000đ

Bà Nguyễn Thị Út H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 147, 158, 165, điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Út H

Buộc ông Thái Văn T và bà Phạm Thu T2 trả cho bà Trần Kim T4 số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Buộc bà Nguyễn Thị Út H phải trả lại cho bà Phạm Thu T2 02 giấy căn cước công dân số 086099008091 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/02/2022 mang tên Thái Chí H1 và số 08619600899 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 21/9/2022 mang tên Phạm Thu T2.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Buộc ông Thái Văn T và bà Phạm Thị T3 phải chịu 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Út H số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0013309 ngày 29/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình Tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký )**

**Nguyễn Ánh Dương**









